TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: **24**/2019/HNGĐ-ST Ngày 29/3/2019 V/v *Tranh chấp "Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Vân;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 15/2019/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp "Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ng Th Đ, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp B, xã TB, huyện CL, tỉnh TG (có mặt).

Bị đơn: T V Đ, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp M, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 19/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ng Th Đ trình bày:***

Theo bản án số 89/2012/HNGĐ-PT ngày 06/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Về hôn nhân: Công nhận anh Đ và chị thuận tình ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là T Ng Ng L, sinh ngày 23/7/2009 và Tr Ng Ng D, sinh ngày 04/4/2008. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 525.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Nhưng hiện nay 02 con chung đã lớn, chi phí học hành, sinh hoạt cũng tăng lên nên số tiền cấp dưỡng nuôi 02 chung con đã không còn phù hợp. Chị phải đi làm công nhân nên một mình không đủ khả năng nuôi dưỡng 02 con chung. Nay chị yêu cầu anh Đ tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung tên Tr Ng Ng D lên 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi con chung tên T Ng Ng L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 16/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn T V Đ trình bày:***

Theo yêu cầu của chị Đ anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh không có nghề nghiệp ổn định, phải đi làm thuê thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, trong khi phải nuôi mẹ già bị tai biến và 02 con riêng. Anh có canh tác thêm 02 công sầu riêng, đang trong thời kỳ thu hoạch nhưng giá cả không ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị Đ khởi kiện yêu cầu anh Đ thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Đ chỉ đồng ý tăng mức cấp dưỡng nuôi cháu Tr Ng Ng D lên mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi. Không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên T Ng Ng L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bản án số 89/2012/HNGĐ-PT ngày 06/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phần quyết định có nội dung: Về hôn nhân: Công nhận anh Đ và chị Đ thuận tình ly hôn với nhau; Về con chung: Giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là T Ng Ng L, sinh ngày 23/7/2009 và Tr Ng Ng D, sinh ngày 04/4/2008. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 525.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi. Nhưng thực tế hiện nay 02 con chung đã lớn, chi phí học hành, sinh hoạt của 02 cháu cũng tăng lên nên số tiền cấp dưỡng nuôi con chung tên Tr Ng Ng D đã không còn phù hợp. Chị Đ hiện làm công nhân thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng phải một mình nuôi dưỡng con chung tên T Ng Ng L từ lúc ly hôn cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đ thừa nhận hiện đang canh tác quản lí 02 công sầu riêng đang thu hoạnh và thời gian rãnh có đi làm thêm, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng/tháng, mới xây nhà cửa ổn định (hơn 400.000.000

đồng) nên chị Đ yêu cầu anh Đ tăng mức cấp dưỡng nuôi cháu D từ 525.000 đồng/tháng lên 1.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi nhằm đảm bảo quyền lợi cho 02 con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hôi đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của anh Đ không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên T Ng Ng L và chỉ đồng ý tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung tên Tr Ng Ng D lên 700.000 đồng/tháng vì hiện nay anh không có nghề nghiệp ổn định, phải đi làm thuê thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, anh có canh tác thêm 02 công sầu riêng, đang trong thời kỳ thu hoạch nhưng giá cả không ổn định, trong khi phải nuôi mẹ già bị bệnh tai biến và 02 con riêng nên không đồng ý với yêu cầu của chị Đ là chưa thể hiện hết trách nhiệm, nghĩa vụ của người cha. Vì thực tế hiện nay trên địa bàn huyện Cai Lậy thì 02 công Sầu Riêng đang cho thu hoạch tại địa bàn xã Long Tiên có giá trị rất lớn, trong khi anh đã xây nhà ổn định khang trang và đi làm thuê có thu nhận ổn định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của chị Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng Th Đ.

1. Buộc anh T V Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên T Ng Ng L, sinh ngày 23/7/2009 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc anh T V Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Tr Ng Ng D, sinh ngày 04/4/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh T V Đ phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- TAND tỉnh TG;	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
- VKSND huyện CL;	
- Chi cục THADS huyện CL;	
- Các Đ/S;	
- Lưu;	
	Hà Văn Phúc